

Bản án số: 69/2024/HS-PT
Ngày 27 tháng 5 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Châu và bà Phan Thị Minh Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thành Thái – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 83/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Anh K, Lưu Chí C do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2024/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1983 tại huyện C, tỉnh An Giang; Nơi đăng ký thường trú: ấp M, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: ấp N, xã L, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K1 và bà Nguyễn Thị T1; vợ là Đặng Thị N và có 3 con; Tiền án: tại bản án số 30/2021/HS-ST ngày 21-9-2021 của Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xử phạt 02 năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03-12-2022; Tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 18-9-2023 cho đến nay. (có mặt)

2. Lê Anh K, sinh ngày 20/03/1991 tại huyện T, tỉnh An Giang; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Duy V và bà Trần Thị L; vợ là Trần Thị Mỹ N1; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định số 17/QĐ ngày 20-3-2014 của Công an huyện T xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc”, đã nộp phạt xong ngày 25-3-2014. Bị bắt tạm giam từ ngày 18-9-2023, đến ngày 27-10-2023 được tại ngoại. (có mặt)

3. Lưu Chí C, sinh ngày 15/05/1990 tại thành phố C, tỉnh Cà Mau; Nơi đăng ký thường trú: Số F L, khóm G, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Công T2 và bà Lê Thị Thu C1; vợ là Trần Thị Xuân E; tiền án: không; tiền sự: tại quyết định số 743/QĐ-XPHC ngày 16-3-2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K xử phạt 400.750.000 đồng về hành vi “Vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên”, chưa nộp phạt; Nhân thân: tại bản án số 187/2013/HSPT ngày 27-9-2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị bắt tạm giam từ ngày 18-9-2023, đến ngày 27-10-2023 được tại ngoại. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Lưu Chí C: luật sư Nguyễn Phước H – Văn phòng L2, Đoàn luật sư tỉnh A (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27-4-2023, Đ1, kinh tế, ma túy - Công an huyện T phối hợp với Công an xã L phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn T, Lê Anh K, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Duy K2, Lưu Chí C, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thanh N2 có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền với hình thức lắc tài xỉu, tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 9.300.000 đồng, tiền dùng đánh bạc trên người của K 3.000.000 đồng, C2 280.000 đồng, K2 100.000 đồng, C 270.000 đồng, H1 1.320.000 đồng, T3 2.200.000 đồng và N2 1.000.000 đồng tại nhà của T, thuộc ấp N, xã L, huyện T, nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng vật chứng là công cụ dùng để đánh bạc và các đồ vật, tài sản có liên quan.

Ngày 09-9-2023, T, K, C2, K2, C, H1 bị khởi tố và bắt tạm giam để điều tra; ngày 27-10-2023 K và C bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 15-12-2023, T3, N2 bị khởi tố, truy nã và quyết định tách vụ án.

Vật chứng thu giữ:

Số tiền 87.540.000 đồng (Trong đó: T4 tại chiếu bạc 9.300.000 đồng; của K 3.000.000 đồng; của T 67.000.000 đồng; của C 270.000 đồng; của K2 100.000 đồng; của Huyện 1.320.000 đồng; của C2 280.000 đồng; của N2 1.000.000 đồng; của Thiệu 2.200.000 đồng; của Nguyễn Văn Đ 2.870.000 đồng và của Đinh Văn S 200.000 đồng);

- 04 bộ xí ngẫu (12 hột); 01 nắp nhựa hình tròn quấn băng keo màu xanh; 01 chén bằng sành màu trắng; 17 miếng kim loại hình tròn có lỗ; 01 tấm nhựa màu trắng có ghi chữ “Hội Kê Hòa L1 Hội Ăn Thua” và chữ “TÀI XIU”, có các ô nhỏ đánh số thứ tự bên trong từ 4 đến 17;

- 05 cái điện thoại di động các loại gồm: 01 máy Samsung A52 màu đen, 01 máy POVA màu đen, 01 máy REMI màu đen, 01 máy OPPO A31 màu xanh bạc và 01 máy OPPO A12 màu xanh;

- 01 xe mô tô biển số 68K1-014.91, loại xe Sirius, màu trắng đen, số khung: RLCS5C630BY573571, số máy: 5C63-573576;

- 01 xe mô tô biển số 68D1-285.51, loại xe Sirius, màu xanh đen, số khung: RLCS5C6H0FY157634, số máy: 5C6H157643;

- 01 xe mô tô biển số 94K1-375.18, loại xe Wave RSX, màu đen đỏ, số khung: RLHJA311XEY201312, số máy: JA31E0361532;

- 01 xe mô tô loại xe Dream II, màu đỏ đen, số máy: C100ME8037092; số khung C1000ME8037092 (gắn biển số 67L1-806.69 của xe khác);

- 01 xe mô tô biển số 67N1-354.85, loại xe FUTURE X F1, màu đen xám, số khung: RLHJC3509AY216096, số máy: JC45E0050892;

Riêng, 01 máy điện thoại OPPO A96 màu đen, 01 máy điện thoại Iphone 8 màu đỏ và 01 xe mô tô biển số 66M1-5487, loại xe C110, màu đen, số máy: 215423, số khung 115423; số tiền 11.200.000 đồng chuyển để xử lý trong vụ án khác theo quyết định tách vụ án hình sự số 07 ngày 15-12-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2024/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Anh K, Lưu Chí C phạm tội “*Đánh bạc*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giam, ngày 18-9-2023.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt Lê Anh K 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ 39 (Ba mươi chín) ngày bị bắt tạm giam (từ ngày 18-9-2023 đến 27-10-2023).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt Lưu Chí C 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ 39 (Ba mươi chín) ngày bị bắt tạm giam (từ ngày 18-9-2023 đến 27-10-2023).

Căn Cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự; Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Anh K mỗi bị cáo số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*); phạt bị cáo Lưu Chí C số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử lý vật chứng, tính án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/03/2024, bị cáo Lê Anh K có đơn kháng cáo xin được giảm án cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 05/03/2024, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 12/03/2024, bị cáo Lưu Chí C có đơn kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn T xin rút lại yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo Lê Anh K khai nhận như đã khai nhận tại Cơ quan điều tra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, không xin hưởng án treo, với lý do bị cáo có hoàn cảnh gia đình có con nhỏ mới sinh, bị cáo đã nộp phạt tiền phạt bổ sung và án phí 15.200.000đ theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị cáo Lưu Chí Công k nhận như đã khai nhận tại cơ quan điều tra, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo có ông N3 là Lê Tấn K3 là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo cũng đã đóng xong hình phạt bổ sung là 10.000.000đ; bị cáo còn cha mẹ già và là lao động chính trong gia đình.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 342, khoản 1 Điều 348 BLTTHS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn T; áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Anh K và Lưu Chí C.

Người bào chữa cho bị cáo Lưu Chí C đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm án cho bị cáo Lưu Chí C vì bị cáo có ông ngoại là người có công với nhà nước được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng nhất và bị cáo đã nộp phạt toàn bộ số tiền phạt bổ sung, án phí theo bản án sơ thẩm, và theo giải đáp của tòa tối cao thì việc bị cáo đã nộp toàn bộ hình phạt bổ sung, án phí sơ thẩm được xem xét để giảm án. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm án xử bị cáo 6 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Anh K, Lưu Chí C làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp

pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Anh K, Lưu Chí C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27-4-2023, tại nhà của Nguyễn Văn T thuộc ấp N, xã L, huyện T, các bị cáo cùng Thiệu Châu., H1 đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép với hình thức lắc tài xỉu được thua bằng tiền thì bị công an phát hiện và bắt quả tang, số tiền đánh bạc trên chiếu bạc là 9.300.000 đồng; tiền dùng đánh bạc trên người của bị cáo 2.200.000 đồng, K 3.000.000 đồng, C2 280.000 đồng, K2 100.000 đồng, C 270.000 đồng, H1 1.320.000 đồng và N2 1.000.000 đồng. Với hành vi nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Lưu Chí C, Lê Anh K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Văn T rút lại đơn kháng cáo nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 342, khoản 1 Điều 348 BLTTHS Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T.

- Đối với bị cáo Lê Anh K, Lưu Chí C, các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Biết rõ việc đánh bạc ăn thua bằng tiền trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Số tiền các bị cáo đánh bạc cùng những người khác được xác định là 17.470.000đ. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự và nếp sống văn minh của xã hội.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá và áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Lê Anh K 08 tháng tù; xử phạt bị cáo Lưu Chí C 09 tháng tù là có căn cứ và phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Lê Anh K đã nộp tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm theo bản án sơ thẩm là 15.200.000đ; bị cáo Lưu Chí C cung cấp tình tiết ông ngoại của bị cáo là người có công, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, và nộp 10.000.000đ tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm, được quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Cụ thể xử phạt bị cáo

Lê Anh K 7 tháng tù; xử phạt bị cáo Lưu Chí C 7 tháng tù. (Việc sửa án sơ thẩm không có lỗi của cấp sơ thẩm)

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do bị cáo Nguyễn Văn T rút kháng cáo tại phiên tòa; các bị cáo Lê Anh K, Lưu Chí C được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 342, khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T;

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận yêu kháng cáo của các bị cáo Lê Anh K, Lưu Chí C sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2024/HS-ST ngày 14 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Tuyên bố các bị Lê Anh K; Lưu Chí C phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Lê Anh K 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 18-9-2023 đến ngày 27-10-2023.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Lưu Chí C 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 18-9-2023 đến ngày 27-10-2023.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 15.200.000đ (mười lăm triệu hai trăm ngàn đồng) của bị cáo Lê Anh K nộp theo biên lai thu số 0005215 ngày 07/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn và số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) của bị cáo Lưu Chí C nộp theo biên lai thu số 0005214 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn để đảm bảo thi hành án

Về án phí:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Các bị cáo Nguyễn Văn T; Lê Anh K; Lưu Chí C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Tòa án nhân dân cấp cao Tp Hồ Chí Minh (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn (6);
- Công an huyện Tri Tôn (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (1);
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh An Giang (1);
- Bị cáo có kháng cáo (1);
- Lưu: Hồ sơ; Toà Hình sự; HCTP (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Vũ